TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:16/2022/DS- ST
Ngày 04/8/2022
V/V: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyển
Hội thẩm nhân dân : 1/Ông Nguyễn Văn Quản
2/ Bà Mai Thị Bình

-*Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXX- DSST ngày 17/6/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2022/QĐST-DS ngày 13/7/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Quỳnh Ng - sinh năm 1976
Địa chỉ: Tiểu khu 2, Thị Trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
**Bị đơn*: Chị Trần Thị H - sinh năm 1977
Địa chỉ: thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Đàm Thị M - sinh năm 1985
Địa chỉ: thôn 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Người làm chứng: Chị Trần Thị C - sinh năm 1983
Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị Ng, chị H, Chị M, chị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Quỳnh Ng trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên thực tế thời gian trước khi có giấy vay tiền ngày 15/6/2020 chị Ng có cho chị H vay tiền nhiều lần, có lần trả, có lần nợ lại. Vì là chỗ tin tưởng nên chị Ng không viết giấy, nhưng đến ngày 15/6/2020 chị Ng và chị H chốt tổng số nợ qua các lần vay của chị là 520.000.000đ (*Năm trăm hai mươi triệu đồng*), lãi suất là 11%/năm, thời hạn vay là 5 tháng, ngày đến hạn trả nợ gốc là ngày 15/11/2020. Mục đích chị H vay tiền của chị để làm nhà. Sau khi vay được tiền của chị Ng, chị H mới chỉ trả tiền lãi theo thỏa thuận đến tháng 12/2020 và trả được cho chị Ng 10.000.000đ tiền gốc. Chị H còn nợ chị Ng 510.000.000đ tiền gốc, từ tháng 12/2020 đến nay chị H không trả tiền gốc và cũng không trả lãi cho chị. Chị Ng đã nhiều lần yêu cầu chị H trả tiền cho chị nhưng chị H cố tình không trả. Do vậy, chị Ng đề nghị Tòa án nhân dân huyện N buộc chị H phải trả nợ tiền đã vay của chị số tiền gốc là 510.000.000đ (*Năm trăm mười triệu đồng*) và tiền lãi 1%/tháng tính từ tháng 12/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử (nếu chị H chưa trả).

Ý kiến của chị Trần Thị H trình bày: Chị H có quen biết chị Lê Thị Quỳnh Ng nhưng không hề nợ như trong đơn chị Ng trình bày, có người làm chứng là chị Trần Thị C. Chữ ký và dấu vân tay của chị H là đúng, nhưng lúc đó chị Ng đưa cho chị ký là một tờ giấy trắng, không có nội dung. Chị H yêu cầu chị Ng xuất trình giấy nhận tiền và hình ảnh nhận tiền, bởi vì chị chưa hề nhận được số tiền 520.000.000đ như chị Ng trình bày. Yêu cầu chị Ng giám định chữ ký và dòng viết tay của người làm chứng là chị Trần Thị C. Chị C có thể làm chứng cho chị hợp đồng (giấy vay tiền) trên là giả mạo và ý kiến của chị H không vay tiền của chị Ng mà có cầm của chị Ng số tiền là 60.000.000đ vào cuối năm 2017 để làm lãi hộ chị Ng, mức lãi suất 3.000đ/triệu/ngày với chị Đàm Thị M và anh Trần Văn Th ở thôn 3, xã N, huyện N khi chị Ng đưa số tiền trên cho chị hai bên không có giấy tờ gì. Với lãi suất cao như vậy gia đình chị M, anh Th không có khả năng trả thì chị Ng dùng xã hội đen ép chị ký vào tờ giấy ghi nợ số tiền 520.000.000đ. Vấn đề này chồng chị đã có đơn tố cáo đến phòng giáo dục huyện N, Phòng giáo dục huyện N đã chỉ đạo Trường tiểu học xã N giải quyết sự việc, Hiệu trưởng trường tiểu học N đã gọi điện cho chồng chị nhưng gia đình chị không nhận được văn bản nào giải quyết của Trường hay của Phòng giáo dục. Và ý kiến của chị H không đồng ý với yêu cầu của chị Ng, buộc chị trả số tiền 510.000.000đ và cũng không đồng ý trả số tiền 60.000.000đ vì chị không được nhận số tiền này mà chỉ cầm cho chị Ng để làm lãi hộ chị Ng. Chị yêu cầu giám định giấy vay tiền ngày 15/6/2020, về: 04 dấu vân tay của người làm chứng, chữ ký và dòng viết tay của người làm chứng có nội dung "Tôi chứng nhận việc bà H vay tiền bà Ng là đúng sự thật - C - Trần Thị C". Tại biên bản đối chất ngày

26/4/2022 chị H trình bày: Chị H không đọc cho chị Ng viết, những chỗ viết bằng mực bút bi xanh do chị Ng tự viết. Tờ giấy vay tiền chị Ng soạn sẵn, chị H không đọc, chị Ng mang đến bảo chị hạ ký và ghi rõ họ tên, sau đó chị Ng cầm tay chị H điểm chỉ để thử mực 01 hay 02 dấu vân tay của ngón nào chị H không nhớ rõ vào mặt trước của tờ giấy và ở mặt trước của tờ giấy đó có 01 dấu vân tay của chị C, nhưng chị H không nhớ là dấu nào. Cũng tại biên bản đối chất ngày 25/5/2022 chị H trình bày: Tờ giấy mà chị Ng ép chị H ký không phải là thời điểm chị Ng viết trên giấy. Chị Ng thuê xã hội đen đến ép chị ký giấy, chị H có hình ảnh trích qua CAMERA, chị sẽ nộp cho Tòa án sau.

* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị M trình bày: Vào năm 2017 chị M có nhận số tiền 60.000.000đ(*Sáu mươi triệu đồng*) từ chị Trần Thị H, số tiền này chị H là người trung gian dẫn chị đến lấy tiền từ chị Lê Thị Quỳnh Ng, khi nhận tiền không viết giấy tờ, chỉ có 03 người chị M, chị H, chị Ng và không có người làm chứng. Lúc đầu chị M cùng chị H trả lãi hàng tháng cho chị Ng với số tiền lãi là 3.000đ/triệu/ngày đã trả được 3,5 năm lãi, cuối năm 2020 do làm ăn thua lỗ chị M xin lãi xuống lãi ngân hàng nhưng chị Ng không chấp nhận. Hiện tại do làm ăn thua lỗ, nhà cửa đã gạt cho người khác. Chị M xin khất trả nợ dần cho chị Trần Thị H hàng tháng là 300.000đ/tháng, xin trả vào gốc không có lãi. Tại biên bản đối chất ngày 25/5/2022, chị M cũng trình bày: chị nhận số tiền 60.000.000đ của chị Ng thông qua chị H, nên chị sẽ trả dần cho chị H mỗi tháng 300.000đ tiền gốc, không tính lãi.

* Ý kiến của người làm chứng chị Trần Thị C: Chị C, chị H, chị Ng có mối quan hệ là chị em xã hội. Chị H có lấy tiền của chị Ng hay không chị không được biết, hôm đó chị C đến nhà chị H chơi, thấy chị Ng có cầm một hộp mực nên chị Ng cầm tay chị C bảo chị C nhận vào tờ giấy hợp đồng vay tiền nhưng không có tên của người cho vay tiền mà chỉ có số tiền 520.000.000đ, sau đó chị C có bảo chị Ng nhưng chị Ng bảo là thử mực, đấy em C làm chứng nhé, chị C nghĩ là chuyện không quan trọng nên chị cũng không nói gì. Chị C có ấn một ngón tay vào cuối mặt trước tờ giấy vay tiền, còn phiá mặt sau chị C không điểm chỉ và cũng không viết, không ký họ tên chị và chị C cam đoan là sự thật. Tại biên bản đối chất ngày 26/4/2022 chị C trình bày: chị có điểm chỉ lên tờ giấy vay tiền ngày 15/6/2020 giữa chị Ng và chị H nhưng không nhớ là điểm chỉ mặt trước hay mặt sau, không nhớ mấy dấu, cũng không nhớ ngón nào và chị C cũng cam đoan là sự thật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Quỳnh Ng vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu chị H phải trả số tiền gốc là 510.000.000đ và lãi suất là 1%/tháng, tính từ tháng 12/2020 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án; bị đơn, người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã trình bày.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử: HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định của pháp luật. Các đương sự và người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Quỳnh Ng. Buộc chị Trần Thị H phải trả cho chị Ng số tiền nợ gốc là 510.000.000đ(Năm trăm mười triệu đồng) và tiền lãi 1%/tháng trên tổng số tiền nợ gốc tính từ tháng 12/2020 đến ngày Tòa án xét xử (04/8/2022).

Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Chị Ng được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị Quỳnh Ng có đơn đề nghị TAND huyện N giải quyết Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị và chị Trần Thị H. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện N, tỉnh Thanh Hóa

[2] Xét ý kiến của nguyên đơn chị Lê Thị Quỳnh Ng: Do có mối quan hệ xã hội và tin tưởng nhau giữa chị Ng và chị H nên những năm trước năm 2020, chị Ng có cho chị H vay tiền nhiều lần, mục đích chị Hạ vay để giải quyết công việc và làm nhà, lãi suất do chị H và chị Ng thỏa thuận; chị H có lần trả, có lần không trả theo thỏa thuận về thời gian; chị Ng đã nhiều lần hỏi chị H về số tiền vay nợ còn lại nhưng chị H không trả. Nên ngày 15/6/2020 chị Ng và chị H đã tính toán và chốt nợ với nhau bằng giấy vay tiền và theo đó chị H còn nợ chị Ng 520.000.000đ (Năm trăm hai mươi triệu đồng).

Khởi kiện tại Tòa án chị Ng đã xuất trình 01 giấy vay tiền, số tiền phù hợp như nội dung đơn khởi kiện, giấy vay tiền ngày 15/6/2020 đều có chữ ký xác nhận của bên vay, điểm chỉ và chữ viết họ và tên của chị Trần Thị H, có ký xác nhận, điểm chỉ và chữ viết họ và tên của chị Trần Thị C là người làm chứng. Quá trình giải quyết hòa giải và đối chất, chị Ng khẳng định chị cho chị H vay tiền nhiều lần và chốt nợ với chị H trên giấy vay tiền ngày 15/6/2020, chị không giao

dịch và không cho chị Đàm Thị M vay số tiền 60.000.000đ. Như vậy, giấy vay tiền ngày 15/6/2020 chỉ có giữa chị Trần Thị H là bên vay và chị Lê Thị Quỳnh Ng là bên cho vay, người làm chứng là chị Trần Thị C được xác lập và được xem xét.

Do nhiều lần chị Ng yêu cầu chị H trả tiền, chị H mới trả nợ cho chị Ng được 10.000.000đ, số tiền chị H còn nợ lại là 510.000.000đ (N*ăm trăm mười triệu đồng*). Chị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị H phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc còn lại là 510.000.000đ (*Năm trăm mười triệu đồng*) và lãi suất 01%/tháng tính từ tháng 12/2020 đến ngày Tòa án xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của bị đơn chị Trần Thị H: Tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 3 năm 2022 chị H có quen biết chị Ng nhưng không hề nợ tiền như trong đơn chị Ng trình bày, có người làm chứng là chị Trần Thị C, chữ ký và dấu vân tay của chị H là đúng, nhưng lúc đó chị Ng đưa cho chị một tờ giấy trắng, không có nội dung. HĐXX xét thấy, giấy vay tiền do chị Ng soạn thảo trước bằng máy tính, trong đó có 1. Thông tin bên vay: Bà Trần Thị H; 3. Tài sản vay và lãi suất vay: vay số tiền là 520.000.000đ với lãi suất 11%/năm, trong thời hạn …. Trên giấy vay tiền có chữ viết tay bằng bút bi mực xanh là cũng do chị Ng viết, những thông tin về ngày tháng năm sinh và chứng minh nhân dân của chị H, chỉ có chị H đọc cho chị Ng thì chị Ng mới viết vào các thông tin đó trên giấy vay tiền. Tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2022, ý kiến của chị H: Chị H không vay tiền của chị Ng mà có cầm số tiền của chị Nga là 60.000.000đ vào cuối năm 2017 để làm lãi hộ chị Ng với mức lãi suất 3.000đ/triệu/ngày với chị Đàm Thị M và anh Trần Văn Th ở thôn 3 xã N, huyện N. Khi chị Ng đưa tiền cho chị H không có giấy tờ gì. Như vậy có sự vay và nhận tiền giữa chị Ng và chị H, sau đó chị H cho chị M và anh Th vay với mức lãi suất trên; do làm ăn thua lỗ gia đình chị M không trả được gốc và lãi cho chị H, nên chị H không trả được cho chị Ng số tiền 60.000.000đ cộng với những lần vay trước còn nợ lại; giấy vay tiền ngày 15/6/2020 được ký tại nhà chị H, trong khi đó chị H lại trình bày: chị Ng dùng xã hội đen ép chị ký vào tờ giấy ghi nợ số tiền 520.000.000đ. Vấn đề này, chồng chi H đã có đơn tố cáo gửi Phòng giáo dục huyện N, Phòng giáo dục huyện N đã chỉ đạo trường tiểu học xã N giải quyết sự việc, Hiệu trưởng trường tiểu học N chỉ gọi điện cho chồng chị H, còn gia đình chị H không nhận được văn bản giải quyết của Trường hay của Phòng giáo dục. Cũng tại biên bản đối chất ngày 26/4/2022: Chị H cũng trình bày, tôi có đưa lãi cho chị Ng đến tháng 12/2020 nhưng đây là lãi của số tiền 60.000.000đ chị Ng nhờ tôi làm lãi và trả được 10.000.000đ tiền

gốc. HĐXX xét thấy, chị H đưa tiền lãi và trả được 10.000.000đ tiền gốc là thực hiện việc thanh toán tiền theo giấy vay tiền ngày 15/6/2020 số tiền là 520.000.000đ (*trong đó có 60.000.000đ chị H cho chị M vay).*

* Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đàm Thị M, chị M cũng thừa nhận có vay 60.000.000đ và nhận tiền từ chị H, chị M đã trả lãi gần 3,5 năm trong đó có lần đi cùng với chị H đến nhà chị Ng để chị H trả lãi. Chị M cũng trình bày số tiền này chị vay từ chị H nên chị có trách nhiệm trả cho chị H và trả dần tiền gốc mỗi tháng 300.000đ, không tính lãi.

* Ý kiến của người làm chứng chị Trần Thị C: theo chị C trình bày thì HĐXX thấy chị C đến nhà chị H chơi và được chị Ng cho xem tờ giấy vay tiền, chị C có xem và đọc nên mới biết được giấy vay tiền không có tên người cho vay tiền mà chỉ có số tiền 520.000.000đ; chị C có điểm chỉ lên tờ giấy vay tiền ngày 15/6/2020 giữa chị Ng và chị H nhưng không nhớ là điểm chỉ mặt trước hay mặt sau, không nhớ mấy dấu và cũng không nhớ ngón nào.

Trong quá trình giải quyết, hòa giải, đối chất tại Tòa án, chị H, chị C cho rằng: dấu vân tay, chữ ký và chữ viết của người làm chứng là chị C, tại mặt sau tờ giấy vay tiền ngày 15/6/2020 không phải của chị C. Ngày 18/3/2022 chị làm đơn đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định nhưng sau đó ngày 05/5/2022 chị H có đơn rút đơn đề nghị trưng cầu giám định. Và cũng trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/6/2022 chị H nộp cho Tòa án đơn trình bày và 01 USB bên trong gồm có 06 nội dung theo đơn trình bày (bút lục 88), trong thời gian tạm ngừng phiên tòa ngày 22/7/2022, chị H nộp cho Tòa án đơn đề nghị: Chị không yêu cầu giám định nội dung các phai ghi âm đó theo đơn trình bày ngày 08/6/2022. Đồng thời ngày 24/7/2022 chị Ng có đơn đề nghị không giám định video và nội dung đơn trình bày mà chị H cung cấp cho Tòa án. Do vậy, HĐXX không xem xét.

Từ những nhận xét của HĐXX đối với ý kiến của các đương sự và người làm chứng ở trên. Như vậy, giấy vay tiền ngày 15/6/2020 chỉ có chị Trần Thị H là bên vay và chị Lê Thị Quỳnh Ng là bên cho vay, người làm chứng là chị Trần Thị C được xác lập và có giá trị.

Vì vậy, HĐXX nghĩ cần xử buộc chị Trần Thị H phải trả cho chị Ng số tiền gốc là 510.000.000đ (*Năm trăm mười triệu đồng*) và tiền lãi 1%/tháng trên tổng số tiền nợ gốc tính từ tháng 12/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử 04/8/2022 (là 20 tháng 04 ngày).

20 tháng 04 ngày x 510.000.000đ x 1%/tháng = 102.680.000đ (Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 612.680.000đ (*Sáu trăm mười hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).*

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho chị Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Quỳnh Ng. Buộc chị Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Quỳnh Ng số tiền gốc là **510.000.000đ** (*Năm trăm mười triệu đồng*) và số tiền lãi là **102.680.000đ** (*Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Tổng cộng cả gốc và lãi là: **612.680.000đ** (*Sáu trăm mười hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **28.507.200đ** (*Hai mươi tám triệu năm trăm linh bảy nghìn hai trăm đồng*).

Trả lại cho chị Lê Thị Quỳnh Ng số tiền tám ứng án phí đã nộp là 13.424.000đ(Mười ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2021/0014804 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Các đ- ơng sự
- L- u hồ sơ .

T/MHỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Văn Tuyển